

Bản án số: 20/2022/HS-ST
Ngày 25-11-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Văn Năm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Lại

Ông Hà Hương Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lam - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2022/TLST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T1, sinh ngày 17/3/1982 tại tỉnh B. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh B; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: Lớp 04/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T2 (đã chết) và bà Lại Thị T3; có vợ là Nguyễn Thị B và 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự, nhân thân: 01 tiền án, Bản án số 168/2019/HS-ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản (đã được xóa án tích); bị tạm giữ từ ngày 15/7/2022 đến ngày 22/7/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Phạm Văn Đ, sinh ngày 26/8/1993 tại tỉnh N. Nơi cư trú: Xóm Đ, xã Đ, huyện N, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Phạm Hồng T4 và bà Vũ Thị T5; có vợ là Vũ Khánh H2 và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 14/7/2022 đến ngày 22/7/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 23/6/1986 tại tỉnh B. Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện Y, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12;

giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn TH1 H3 và bà Đặng Thị L1; có vợ là Nguyễn Thị C và 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 14/7/2022 đến ngày 22/7/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Bị hại*: Công ty Cổ phần Giải pháp N; người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thùy L2 - Tổng Giám đốc; địa chỉ: Số 79 đường 6 KĐT Him L, phường T, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Công ty TNHH Thương mại N; người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn D - Giám đốc; địa chỉ: Số 47/437 Đà N, phường Đông H, quận Hải A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 09/7/2022, Nguyễn Văn T1, Phạm Văn Đ và Nguyễn Ngọc H1 là công nhân của Công ty TNHH Thương mại N làm việc tại Trung tâm thử nghiệm pin, nhà máy Vinfast, xã Văn Phong, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng phát hiện 02 cuộn dây cáp điện màu đen, lõi bằng kim loại của Công ty Cổ phần Giải pháp N không có người trông giữ nên T1 nảy sinh ý định trộm cắp tài sản và rủ Đ và H1 lấy trộm 01 cuộn dây cáp để bán lấy tiền ăn tiêu, H1 và Đ đồng ý. H1 đứng canh gác còn T1 và Đ bê cuộn dây cáp từ trong nhà xưởng ra ngoài đường. Đ lấy xe ô tô Biển kiểm soát 29B-089.24 của Công ty TNHH Thương mại N dùng để chở công nhân đi làm, điều khiển tới chở cuộn dây cáp đi cất giấu. T1 và Đ để cuộn dây cáp lên xe ô tô, Đ điều khiển xe về khu vực nhà xưởng Lear. T1 và Đ mang cuộn dây xuống cho lên xe nâng của Công ty TNHH Thương mại N phủ bạt lên để che giấu, sẽ vận chuyển ra ngoài để tiêu thụ. Sau đó, T1, Đ và H1 về xưởng Apico tiếp tục làm việc.

Ngày 13/7/2022, anh Nguyễn Văn Đ2 là người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần Giải pháp N có đơn trình báo Công an huyện Cát Hải về việc công ty bị trộm cắp 01 cuộn dây cáp điện dài 50m.

Ngày 14/7/2022, H1 và Đ đã đến Công an xã Văn Phong để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Ngày 15/7/2022, T1 đến Công an huyện Cát Hải để đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Công an huyện Cát Hải đã lập biên bản tạm giữ 01 cuộn dây cáp điện vỏ nhựa màu đen, dài 50m, bên trong có lõi đồng, đường kính 150mm², nhãn hiệu Vina 2019 loại 0,6/1KV CU/XLPE/PVC 1c x 150mm² tại xe nâng của Công ty TNHH Thương mại N ở khu vực nhà xưởng Lear của nhà máy ô tô Vinfast; tạm giữ 01 xe ô tô loại 12 chỗ ngồi, nhãn hiệu Toyota Biển kiểm soát 29B-089.24 màu ghi hồng xanh do Đ giao nộp.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, người đại diện theo ủy quyền của bị hại là anh Đ2 trình bày: Ngày 07/7/2022, Công ty Cổ phần Giải pháp N có mượn của

Công ty Cổ phần cơ điện Đoàn N 02 cuộn dây cáp điện để phục vụ thử nghiệm cho Trung tâm thử nghiệm pin. Sau khi mượn xong, anh để 02 cuộn dây cáp điện trên tại Phòng thử nghiệm hiệu năng pin của nhà máy Vinfast. Đến 10 giờ 30 phút ngày 13/7/2022, anh phát hiện đã mất 01 cuộn dây cáp điện dài 50m. Sau đó, anh ra Cơ quan Công an để trình báo sự việc. Công ty Cổ phần Giải pháp N đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu T1, Đ và H1 phải bồi thường thiệt hại gì.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh K trình bày: Anh, T1, Đ và H1 đều làm thuê cho Công ty TNHH Thương mại N. Anh là người quản lý của nhóm công nhân làm trong Nhà máy Vinfast. Anh được giao quản lý chiếc xe ô tô Biển kiểm soát 29B-089.24 để đưa đón công nhân đi làm. Sau đó, anh để xe ô tô ở bãi đỗ xe, chìa khóa vẫn để cắm ở xe. Anh không biết việc Đ, T1 và H1 sử dụng xe để trộm cắp cuộn dây cáp điện nêu trên. Công ty TNHH Thương mại N đã nhận lại xe ô tô và không có yêu cầu T1, Đ và H1 phải bồi thường thiệt hại gì.

Tại Kết luận về giá của tài sản tố tụng số 13/KL-HĐĐG ngày 14/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Cát Hải kết luận: 01 cuộn dây cáp điện vỏ nhựa ngoài màu đen, dài 50m, bên trong có lõi đồng, đường kính 150mm², nhãn hiệu Vina 2019 loại 0,6/1KV CU/XLPE/PVC 1c x 150mm², chưa qua sử dụng, có giá trị là 11.500.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 19/CT-VKS ngày 05/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T1, Phạm Văn Đ và Nguyễn Ngọc H1 về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã nêu, xác nhận việc điều tra, truy tố đối với các bị cáo là không oan sai; trong quá trình điều tra, không bị ép buộc khai báo không đúng sự thật.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, trình bày: Công ty TNHH Thương mại N đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, để cho các bị cáo sớm có cơ hội được tiếp tục làm việc tại Công ty.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận về hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Do đó, Viện Kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội Trộm cắp tài sản. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; sau khi phạm tội đã ra đầu thú thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Bị cáo T1 có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản nhưng đã được xóa án tích, có bố để được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến; bị cáo Đ và bị cáo H1 chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo Đ có bố để là thương binh hạng 3/4, bị cáo H1 có ông nội là người có công với cách mạng và được nhà nước tặng thưởng nhiều huân huy chương. Bị cáo T1 được hưởng các

tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm d, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Đ và bị cáo H1 được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đây là vụ án có tính chất đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn. Bị cáo T1 là người khởi xướng, rủ các bị cáo còn lại tham gia việc chiếm đoạt tài sản hợp pháp của người khác nên phải chịu hình phạt nghiêm khắc hơn.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt chính:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Nguyễn Văn T1 từ 12 đến 15 tháng tù, trừ cho bị cáo 08 ngày bị tạm giữ, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Phạm Văn Đ từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Nguyễn Ngọc H1 từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

- Về hình phạt bổ sung:

Các bị cáo không có tài sản riêng, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo .

- Về vật chứng vụ án:

01 cuộn dây cáp điện vỏ nhựa ngoài màu đen, dài 50m, bên trong có lõi đồng, đường kính 150mm², nhãn hiệu Vina 2019 loại 0,6/1KV CU/XLPE/PVC 1c x 150mm², chưa qua sử dụng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cát Hải đã trả lại cho Công ty Cổ phần Giải pháp N là chủ sở hữu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

01 xe ô tô loại 12 chỗ ngồi, nhãn hiệu Toyota Biển kiểm soát 29B-089.24 màu ghi hồng xanh, đã qua sử dụng, Cơ quan điều tra Công an huyện Cát Hải đã trả lại cho chủ sở hữu là Công ty TNHH Thương mại N nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại gì, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, đồng thời thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng và luận tội của Viện Kiểm sát; các bị cáo biết hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật và rất hối hận. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cát Hải, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng trong vụ án, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị hại vắng mặt và không có yêu cầu bồi thường thiệt hại, sự vắng mặt của bị hại không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị hại theo quy định tại khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Về tội danh:

[3] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn T1, Phạm Văn Đ và Nguyễn Ngọc H1 đều khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã làm rõ: Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 09/7/2022, tại Trung tâm thử nghiệm pin của Nhà máy ô tô Vinfast, thôn Phong Niên, xã Văn Phong, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, T1, Đ và H1 đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 cuộn dây cáp điện vỏ nhựa ngoài màu đen, dài 50m, bên trong có lõi đồng, đường kính 150mm², nhãn hiệu Vina 2019 loại 0,6/1KV CU/XLPE/PVC 1c x 150mm², chưa qua sử dụng của Công ty Cổ phần Giải pháp N có giá trị 11.500.000 (Mười một triệu năm trăm nghìn) đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”. Như vậy, hành vi lén lút chiếm đoạt 01 cuộn dây cáp điện nêu trên của các bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng trên là có cơ sở và đúng với quy định của pháp luật.

- Về tình tiết định khung hình phạt:

[4] Các bị cáo đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi chiếm đoạt tài sản của các bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, các bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực

hiện với mục Đ để bán lại lấy tiền tiêu xài cá nhân, gây mất trật tự trị an trong khu vực, tạo dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm để răn đe, trừng trị đối với các bị cáo, qua đó nâng cao hiệu quả của công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo sau khi phạm tội đã ra đầu thú thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Bị cáo T1 có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản nhưng đã được xóa án tích, có bố để được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến; bị cáo Đ và bị cáo H1 chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo Đ có bố để là thương binh hạng 3/4, bị cáo H1 có ông nội là người có công với cách mạng và được nhà nước tặng thưởng nhiều huân huy chương. Do đó, bị cáo T1 được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm d, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Đ và bị cáo H1 được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân: Bị cáo Đ và bị cáo H1 không có tiền án, tiền sự; trước lần phạm tội này, chưa bị cơ quan có thẩm quyền xử lý về hành vi vi phạm gì nên có nhân thân tốt. Bị cáo T1 có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản, mặc dù tiền án đã được xóa án tích nhưng điều đó thể hiện nhân thân xấu. Do vậy, Hội đồng xét xử cần xem xét yếu tố nhân thân này của các bị cáo khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[8] Về phân hóa trách nhiệm hình sự trong đồng phạm: Trong vụ án có 03 bị cáo, T1, Đ và H1 cố ý cùng thực hiện một tội phạm nên là đồng phạm quy định tại Điều 17 của Bộ luật Hình sự nhưng là đồng phạm giản đơn; các bị cáo không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ, phân công, phân nhiệm cụ thể giữa các đồng phạm; không có người tổ chức, cầm đầu, chỉ huy; các bị cáo đều là người cùng thực hành. Tuy nhiên, bị cáo T1 là người khởi xướng, rủ các bị cáo còn lại tham gia việc chiếm đoạt tài sản hợp pháp của người khác nên phải chịu hình phạt nghiêm khắc hơn. Bị cáo Đ cùng khiêng cuộn dây cáp và là người lấy xe ô tô điều khiển mang cuộn dây cáp điện đi cất giấu. Bị cáo H1 là người canh gác cho bị cáo T1 và Đ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Khi xem xét quyết định hình phạt cho mỗi bị cáo, Hội đồng xét xử cần xét đến tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của mỗi bị cáo theo quy định tại Điều 58 của Bộ luật Hình sự

- Về hình phạt chính:

[9] Trên cơ sở xem xét toàn diện về khung hình phạt, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, trị giá tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo chỉ là bộc phát, nhất thời; tài sản các bị cáo chiếm đoạt không lớn, đã được trả lại đầy đủ cho bị hại; các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[10] Đối với bị cáo T1: Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 và có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, bị cáo là người khởi xướng và có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản, mặc dù tiền án đã được xóa án tích nhưng điều đó thể hiện nhân thân xấu. Do đó, cần phải xử lý nghiêm, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

[11] Đối với bị cáo Đ và bị cáo H1: Các bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 và có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo có nhân thân tốt, thể hiện việc các bị cáo không có tiền án, tiền sự, ngoài lần phạm tội này các bị cáo luôn tôn trọng các quy tắc xã hội, chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú; không vi phạm các điều mà pháp luật cấm; có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo. Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đưa ra các chứng cứ buộc tội, các điểm, khoản, điều của Bộ luật Hình sự và văn bản pháp luật khác, đề nghị áp dụng cho các bị cáo được hưởng án treo là phù hợp và có căn cứ nên cũng cần xem xét, không nhất thiết phải bắt các bị cáo cách ly xã hội mà chỉ cần xử cho các bị cáo được hưởng án treo, để tạo điều kiện cho các bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm và phấn đấu trở thành công dân có ích cho xã hội.

- Về hình phạt bổ sung:

[12] Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định "5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng" do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, phải đi thuê trọ để đi làm, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng:

[13] 01 cuộn dây cáp điện vỏ nhựa ngoài màu đen, dài 50m, bên trong có lõi đồng, đường kính 150mm², nhãn hiệu Vina 2019 loại 0,6/1KV CU/XLPE/PVC 1c x 150mm², chưa qua sử dụng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cát Hải đã trả lại cho Công ty Cổ phần Giải pháp N theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự là có căn cứ.

[14] 01 xe ô tô loại 12 chỗ ngồi, nhãn hiệu Toyota Biển kiểm soát 29B-089.24 màu ghi hồng xanh, đã qua sử dụng, Cơ quan điều tra Công an huyện Cát Hải đã trả lại cho chủ sở hữu là Công ty TNHH Thương mại N theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự là có căn cứ.

- Về trách nhiệm dân sự:

[15] Công ty Cổ phần Giải pháp N và Công ty TNHH Thương mại N không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường hay thực hiện trách nhiệm dân sự khác nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về án phí hình sự:

[16] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- Về quyền kháng cáo:

[17] Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Văn T1 15 (mười lăm) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Trừ cho bị cáo 08 ngày tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành tiếp 14 tháng 22 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt hoặc tự nguyện đi thi hành án,

Thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo không quá thời hạn kể từ khi tuyên án cho đến thời điểm bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự,

- Xử phạt: Phạm Văn Đ 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản". Thời gian thử thách là 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt: Nguyễn Ngọc H1 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản". Thời gian thử thách là 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đang áp dụng đối với các bị cáo Phạm Văn Đ và Nguyễn Ngọc H1.

Giao bị cáo Phạm Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã Đồng S, huyện Nam T, tỉnh N nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Giao bị cáo Nguyễn Ngọc H1 cho Ủy ban nhân dân xã Tư M, huyện Yên D, tỉnh B nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự, như sau:

“Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.”

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí hình sự : Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T1, Phạm Văn Đ và Nguyễn Ngọc H1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Các bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

- Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết;

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Công an TP Hải Phòng (PV06, PC10);
- VKSND huyện Cát Hải;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Công an huyện Cát Hải;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Cát Hải;
- Chi cục THADS huyện Cát Hải;
- UBND xã Đồng S, huyện Nam T, tỉnh N;
- UBND xã Tư M, huyện Yên D, tỉnh B;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

Lưu Văn Năm